

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 256/2024/DS-PT

Ngày 07 tháng 11 năm 2024

V/v “Tranh chấp Quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Lễ

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thuý Hà, ông Nguyễn Phước Hưng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 244/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ về việc “Tranh chấp Quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 183/2024/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 246/2024/QĐXX-PT ngày 02 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Châu Minh H, sinh năm 1979. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 68, tổ 03, ấp Trung 2, xã Tân Tr, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp cho ông Trương Châu Minh H: Ông Lê Hữu Đ, sinh năm 1963, nơi cư trú: Số 52/1/8, tổ 8, hẻm 7, khóm Mỹ L, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang là người đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 24/10/2022. (Có mặt)

2. Các bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1984. (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Phú Mỹ H1, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang. (hiện tạm trú tại: Tổ 04, Khóm Trung 3, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang).

2.2 Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985 (Có mặt)

2.3 Bà Nguyễn Thị Mỹ Ch, sinh năm 1981. (Có mặt)

Cùng cư trú: Số 949, tổ 02, Khóm Trung 3, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Huỳnh Chí T3, sinh năm 1979. (Có mặt)

Nơi cư trú: Số 814B, ấp Tân A, xã Tân H, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

3.2 Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 16/01, tổ 05, Khóm Phú X, thị trấn Chợ V, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Do có kháng cáo của ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ Ch, ông Huỳnh Chí T, bà Nguyễn Thị Mỹ D là bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Lê Hữu Đ đại diện hợp pháp nguyên đơn ông Trương Châu Minh H trình bày ý kiến: Ông H được ông nội Trương Minh Ch cho diện tích đất ở đô thị là 81,8m², thửa đất số 57, tờ bản đồ số 47, tọa lạc tại tổ 01, ấp Trung 3, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang, ông H được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05302 ngày 11/7/2016, khi còn sống ông Tr cho hộ bà H2 và hộ bà Đ ở đậu trên đất, có cất 01 căn nhà ở tạm, và có ký tên cam kết ở đậu trên đất khi nào hai bà có khả năng tìm nơi ở khác thì trả lại diện tích đất trên cho ông nội ông H là ông Ch. Sau đó ông Ch làm đơn khiếu nại đến Ủy ban thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang và được ông Hai Th là Cán bộ UBND thị trấn Phú M mời hai bên đến hòa giải và có ghi nhận ý kiến trình bày của bà Trần Thị Mộng Đ và bà Huỳnh Thị Cẩm H2 (Huỳnh Thị H2) vào ngày 06/01/2001, trong đó ý kiến trình bày của bà H2, bà Đ đều thừa nhận ở đậu trên đất của ông nội ông H và sẽ thương lượng với chủ đất. Sau đó Nhà nước cấp cho hộ bà Đ một nền nhà tại tuyến dân cư Phú M nên bà Đ tự nguyện trả lại đất cho ông nội ông H. Đến ngày 08/10/2007 ông Trương Minh Ch được Ủy ban nhân dân huyện Phú T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1406bC, diện tích đất ở đô thị là 81,8m², thửa đất số 57, tờ bản đồ số 47, tọa lạc tại tổ 01, ấp Trung 3, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang. Đến ngày 11/7/2016 ông H làm thủ tục thừa hưởng được đứng tên chủ sở hữu.

Hộ bà Huỳnh Thị Cẩm H2 cũng được Ủy Ban nhân dân thị trấn Phú M xét cấp cho hộ bà H2 một cái nền nhà tại tuyến dân cư nhưng bà H2 không đi

dời nhà trả đất lại cho ông mà bà H2 giao nền nhà tuyến dân cư Phú M cấp cho con gái bà tên Nguyễn Thị Mỹ Ch quản lý, sử dụng cho đến nay. Khi bà H2 qua đời thì căn nhà bà xin ở đậu trên đất của ông H các con bà H2 là ông Đ, bà Ch đang quản lý sử dụng cho đến nay. Nay, ông H yêu cầu ông S; ông Đ; bà Ch; ông T và bà D là thừa kế của bà H2 tháo dỡ, di dời toàn bộ căn nhà bằng gỗ tạp, mái lợp tol, vách tol, nền lát gạch men có diện tích ngang khoảng 6m, dài khoảng 7,5m và các tài sản trên đất và trả lại diện tích 81,8m² mà ông H đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp giấy CN QSDĐ số CS05302 ngày 11/7/2016 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất đề ngày 26/10/2023. Ngoài ra không yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ Ch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Chí T, bà Nguyễn Thị Mỹ D có ý kiến: Không đồng ý tháo dỡ, di dời nhà trả diện tích đất 81,8m² như nguyên đơn yêu cầu. Vì nguồn gốc đất của ông ngoại tên Huỳnh Văn Ph (chết năm 2019) khai hoang, để lại cho mẹ chúng tôi ở từ năm 1976 cho đến nay vẫn chưa kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, chúng tôi đã sống chung với cha, mẹ trên phần đất này. Cha tên Nguyễn Văn B, (chết năm 2022) và mẹ tên Huỳnh Thị Cẩm H2 (chết năm 2017), trước là nhà gỗ, sau có sửa lại hiện tại căn nhà nền lót gạch tàu, chưa cuốn nền, vách thiết, mái thiết, sườn gỗ tạp. Ông Ch là ông nội của ông H không có tranh chấp mà đến nay ông H mới kiện đòi đất thì chúng tôi không đồng ý. Gia đình chúng tôi đã nộp khoảng 10 lần thuế nhà, đất và các thông báo nộp thuế nhà đất của Chi cục thuế huyện Phú T. Hiện nay ông Đ, bà Ch là người trực tiếp ở và quản lý trên căn nhà này, ngoài ra không còn ai khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 183/2024/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Châu Minh H đối với bị đơn ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ Ch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Chí T, bà Nguyễn Thị Mỹ D về tranh chấp “*Quyền sử dụng đất*”.

1.1 Buộc ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ Ch, ông Huỳnh Chí T và bà Nguyễn Thị Mỹ D cùng có trách nhiệm tháo dỡ, di dời toàn bộ căn nhà có kết cấu cột kèo, gỗ tạp, vách tole, mái tole, nền lát gạch tàu và tài sản khác trả lại cho ông Trương Châu Minh H diện tích đất 81,8m², thửa đất số 57, tờ bản đồ số 47 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05302 ngày 11/7/2016 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Trương Châu Minh H đứng tên, đất tọa lạc tại thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang thuộc các điểm M1, M2, M3, M4, M5 như sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Phú T lập ngày 26/10/2023.

Ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ Ch, ông Huỳnh Chí T và bà Nguyễn Thị Mỹ D được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Trương Châu Minh H tự nguyện hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ Ch, ông Huỳnh Chí T và bà Nguyễn Thị Mỹ D số tiền tháo dỡ, di dời toàn bộ căn nhà là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 24/7/2024 ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ Ch, ông Huỳnh Chí T, bà Nguyễn Thị Mỹ D kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 183/2024/DS-ST ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú T. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 227 khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Phúc xử:

Đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ D.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ Ch, ông Huỳnh Chí T; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 183/2024/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đúng trình tự thủ tục, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ Ch thuộc hộ nghèo, cận nghèo, có đơn, nên được xem xét miễn đóng tạm ứng án phí phúc thẩm, ông Nguyễn Văn S, Huỳnh Chí T có đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét.

Bà Nguyễn Thị Mỹ D được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 227 Luật tố tụng dân sự, nên đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ D.

[2] Về nội dung vụ án: Nguồn gốc đất là của ông bà ông H để lại cho ông nội ông Huấn là Trương Minh Ch và được Ủy Ban nhân dân huyện Phú T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1406bC ngày 08/10/2007, diện tích đất là 81,8m², thửa đất số 57, tờ bản đồ số 47, tọa lạc tại tổ 01, ấp Trung 3, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang. Ông Ch cho ông H và ông H được cấp Giấy CN QSDĐ số CS05302 ngày 11/7/2016, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Trương Châu Minh H, trên phần đất tại thời điểm

cấp giấy CN QSDĐ có căn nhà của bà Huỳnh Thị H2 (tên gọi khác Huỳnh Thị Cẩm H2), bà H2 có ký cam kết về việc nhà ở đậu trên đất của ông Trương Minh Ch vào ngày 17/8/2007 lưu trong hồ sơ cấp giấy cho ông Ch, quá trình bà H2 ở có ý định cất lại nhà kiên cố trên nền đất, ông nội ông H phát hiện và làm đơn khiếu nại đến Ủy ban thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang trong nội dung biên bản ghi nhận ý kiến trình bày của bà H2 như sau: *“Tôi về đây ở từ năm 1977, mua của bà út Ng, sau này mới biết là đất của ông Tám Ch, tôi cũng đồng ý là ở đậu, khi nào tôi đi thì tôi sẽ trả nền lại, còn có khả năng thương lượng sau”*. Năm 2017 bà H2 chết, các con của bà H2 gồm: Ông Đ, ông S và bà Mỹ Ch tiếp tục ở trên căn nhà nằm trên phần đất ông H, ông H khởi kiện nên phát sinh tranh chấp. Riêng đối với hộ bà Đ, ông C cũng cất nhà ở đậu như bà H2, nhưng sau khi được Nhà nước cấp bán nền nhà cụm tuyến dân cư ấp Phú M thì bà Đ, ông C trả lại nhà cho ông Ch nên không tranh chấp.

[3] Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ Ch, ông Huỳnh Chí T, kháng cáo có chung nội dung là yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm căn cứ vào Tờ cam kết nhà ở đậu trên đất ở nhờ của bà H2, ông Lê Văn C chồng bà Đ ngày 17/8/2007 có xác nhận của UBND thị trấn Phú M, lưu trong hồ sơ cấp giấy cho ông Ch, quá trình bà Hồng ở có ý định cất lại nhà kiên cố trên nền đất, ông nội ông H phát hiện và làm đơn khiếu nại đến Ủy ban thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang trong nội dung biên bản ghi nhận ý kiến trình bày của bà H2, như sau: *“Tôi về đây ở từ năm 1977, mua của bà út Ng, sau này mới biết là đất của ông Tám Ch, tôi cũng đồng ý là ở đậu, khi nào tôi đi thì tôi sẽ trả nền lại, còn có khả năng thương lượng sau”*. Khi bà H2 qua đời các con bà là Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Mỹ Ch hiện tiếp tục quản lý sử dụng, các ông bà: S, Đ, Ch, Tai và D cho rằng đất của ông ngoại là ông Huỳnh Văn Ph nhưng không cung cấp chứng cứ khác, nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông H, buộc ông S, ông Đ, bà Ch, ông T và bà D cùng có trách nhiệm tháo dỡ, di dời toàn bộ căn nhà có kết cấu cột kèo, gỗ tạp, vách tole, mái tole, nền lát gạch tàu và tài sản khác trả lại cho ông H diện tích đất 81,8m² theo Giấy CN QSDĐ số CS05302 ngày 11/7/2016, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Trương Châu Minh H đứng tên tại các điểm M1, M2, M3, M4, M5 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Phú Tân lập ngày 26/10/2023 là hoàn toàn có căn cứ. và phía bị đơn cho rằng từ trước cho đến nay gia đình bị đơn chưa được giải quyết bán nền nhà cụm tuyến dân cư như án sơ thẩm nhận định, Hội đồng xét xử xét thấy việc được mua, hay không mua nền cụm tuyến dân cư cũng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết nội dung vụ án. Việc ông H đồng ý hỗ trợ số tiền tháo dỡ, di dời toàn bộ căn nhà là 20.000.000 đồng, đây là sự tự

nguyện của nguyên đơn nên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện hỗ trợ của ông H cho ông S, ông Đ, bà Ch, ông T và bà D. Đồng thời đảm bảo quyền lưu cư của đương sự để ổn định chỗ ở cho các bị đơn. Tại phiên toà phúc thẩm, các đồng bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải kiếm một nền thổ cư diện tích tương xứng, hoặc bị đơn sẽ trả giá trị cho nguyên đơn số tiền là 100.000.000 đồng, để được ở tiếp tục, nhưng không được nguyên đơn đồng ý. HĐXX xem xét cho ông Sang, ông Đ, bà Ch, ông T và bà D được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Nên kháng cáo của ông S, ông Đ, bà Ch, ông Tài không được chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn S, Huỳnh Chí T phải chịu mỗi người 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ số tiền ông S 300.000 đồng theo phiếu thu số 0007115, ông T theo phiếu thu số 0007114 ngày 29/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú T, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ Ch được miễn án phí phúc thẩm, số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của bà D được sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, Điều 218; điểm a, khoản 2, Điều 227, khoản 1, Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ D.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ Ch, ông Huỳnh Chí T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 183/2024/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào Điều 26, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271; khoản 1, Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Châu Minh H đối với bị đơn ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ Ch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Chí T, bà Nguyễn Thị Mỹ D về tranh chấp "*Quyền sử dụng đất*".

1.1 Buộc ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ Ch, ông Huỳnh Chí T và bà Nguyễn Thị Mỹ D cùng có trách nhiệm tháo dỡ, di dời

toàn bộ căn nhà có kết cấu cột kèo, gỗ tạp, vách tole, mái tole, nền lát gạch tàu và tài sản khác trả lại cho ông Trương Châu Minh H diện tích đất 81,8m², thửa đất số 57, tờ bản đồ số 47 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05302 ngày 11/7/2016 được sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Trương Châu Minh H, đất tọa lạc tại thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang thuộc các điểm M1, M2, M3, M4, M5 như sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Phú T lập ngày 26/10/2023.

(Kèm theo sơ đồ hiện trạng khu đất lập ngày 26/10/2023 là một bộ phận không tách rời của bản án).

Ông Nguyễn Văn Sang, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ Ch, ông Huỳnh Chí T và bà Nguyễn Thị Mỹ D được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Trương Châu Minh H tự nguyện hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ Ch, ông Huỳnh Chí T và bà Nguyễn Thị Mỹ D số tiền tháo dỡ, di dời toàn bộ căn nhà là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

1.2 Về chi phí tố tụng: Ông Trương Châu Minh H tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí đo đạc, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng số tiền là 2.050.500 đồng (đã thực hiện xong).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn S, ông Huỳnh Chí T và bà Nguyễn Thị Mỹ D cùng chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ Ch thuộc trường hợp hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Trương Châu Minh H không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006142 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Về án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn S, Huỳnh Chí T phải chịu mỗi người 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ số tiền ông S 300.000 đồng theo phiếu thu số 0007115, ông T theo phiếu thu số 0007114 ngày 29/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú T, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ Ch được miễn án phí phúc thẩm.

Số tiền 300.000 đồng của bà Nguyễn Thị Mỹ D tạm ứng theo phiếu thu số 0007113 ngày 29/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú T được sung vào công quỹ nhà nước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS Huyện;
- TAND Huyện;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Minh Lễ